

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 20.7.2022

TRỊ KIÊU MẠN BẰNG “ĐỌC TRÚNG TIM ĐEN”

Kinh Mānatthaddha (Mānatthaddhasuttam)

CHƯƠNG VII. TƯƠNG ƯNG BÀ LA MÔN – PHẨM CƯ SĨ (S. I, 177)

Tự thị rằng mình cao quý là sự cầu chấp rất thường có ở người đời khi có cái gì đó nghĩ là “mình hơn người khác”. Sự kiêu mạn rất khó từ bỏ vì đó là sự thể hiện của ngã chấp, một thứ phiền não ăn sâu trong tâm thức chúng sanh. Có nhiều lần Đức Phật cảm hoá người kiêu mạn bằng cách cho người đó biết năng lực “tha tâm thông” của Ngài. Dường như cách này rất hiệu nghiệm để hoá giải tâm kiêu mạn như trường hợp Đức Phật độ ba anh em tu sĩ Uruvela Kassapa. Có ai sống mà không vương mắc chấp thủ nhân ngã bỉ thử?. Khác biệt chăng là ở mức độ tế hay thô. Người may mắn hữu duyên gặp bậc Vô thượng Y vương thì được trị liệu tốt.



Kinh Văn

Sāvattṇinidānaṃ. Tena kho pana samayena mānatthaddho nāma brāhmaṇo sāvattṇiyaṃ paṭivasati. So neva mātaraṃ abhivādeti, na pitaraṃ abhivādeti, na ācariyaṃ abhivādeti, na jeṭṭhabhātaraṃ abhivādeti.

Tại Sāvattṇi.

Thuở ấy có bà la môn được gọi là Mānatthaddha (Ngạo Mạn) sống ở Sāvattṇi. Người này không cung kính mẹ, không cung kính cha, không cung kính thầy, không kính trọng anh cả.

Tena kho pana samayena bhagavā mahatīyā parisāya parivuto dhammaṃ deseti. Atha kho mānatthaddhassa brāhmaṇassa etadahosi – “ayaṃ kho samaṇo gotamo mahatīyā parisāya parivuto dhammaṃ deseti. Yaṃnūnaṃ yena samaṇo gotamo tenupasaṅkameyyaṃ. Sace maṃ samaṇo gotamo ālapissati, ahampi taṃ ālapissāmi. No ce maṃ samaṇo gotamo ālapissati, ahampi nālapissāmi”ti. Atha kho mānatthaddho brāhmaṇo yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamtivā tuṇḥbhūto ekamantaṃ aṭṭhāsi. Atha kho

bhagavā taṃ nālapī. Atha kho mānatthaddho brāhmaṇo – ‘nāyaṃ samaṇo gotamo kiñci jānātī’ti tatova puna nivattitukāmo ahoṣi.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn đang thuyết pháp với đông đảo thính chúng ngồi chung quanh. Bà la môn Mānatthada khởi ý nghĩ: "Sa môn Gotama đang thuyết pháp với đông đảo thính chúng ngồi chung quanh. Ta hãy đi đến Savmôn Gotama. Nếu Sa môn Gotama nói chuyện với ta, ta sẽ nói chuyện với Sa-môn Gotama. Nếu Sa môn Gotama không nói chuyện với ta, ta cũng sẽ không nói chuyện với Sa-môn Gotama".

Rồi Bà-la-môn Mānatthada đi đến Đức Thế Tôn; sau khi đến, đứng một bên và im lặng.

Đức Thế Tôn không nói chuyện gì với bà la môn ấy.

Bà-la-môn Mānatthada suy nghĩ: "Sa môn Gotama này không hiểu biết gì", nên muốn bỏ về.

Atha kho bhagavā mānatthaddhassa brāhmaṇassa cetasā cetoparivitakkamaññāya mānatthaddhaṃ brāhmaṇaṃ gāthāya ajjhabhāsi –

**‘Na mānaṃ brāhmaṇa sādhu, atthikassīdha brāhmaṇa;
Yena atthena āgacchi, tamevamanubrūhaye’**ti.

Đức Thế Tôn với tâm mình biết được ý nghĩ của bà la môn Mānatthada, liền nói lên kệ ngôn:

Kiêu mạn vốn không tốt
Người muốn điều lợi ích
Nên hướng đến mục đích
Đến vì thế, Phạm chí!

Atha kho mānatthaddho brāhmaṇo – ‘cittaṃ me samaṇo gotamo jānātī’ti tattheva bhagavato pādesu sirasā nipatitvā bhagavato pādāni mukhena ca paricumbati pāṇihi ca parisambāhati, nāmañca sāveti – ‘mānatthaddhāhaṃ, bho gotama, mānatthaddhāhaṃ, bho gotamā’ti. Atha kho sā parisā abbhutacittajātā [abbhutacittajātā (sī. syā. kaṃ. pī.), acchariyabbhutacittajātā (ka.)] ahoṣi – ‘acchariyaṃ vata bho, abbhutaṃ vata bho! Ayañhi mānatthaddho brāhmaṇo neva mātaraṃ abhivādeti, na pitaraṃ abhivādeti, na ācariyaṃ abhivādeti, na jeṭṭhabhātaraṃ abhivādeti; atha ca pana samaṇe gotame evarūpaṃ paramanipaccakāraṃ karotī’ti. Atha kho bhagavā

mānatthaddhaṃ brāhmaṇaṃ etadavoca – “alam, brāhmaṇa, uṭṭhehi, sake āsane nisīda. Yato te mayi cittaṃ pasanna”’nti.

Bà la môn Mānatthada suy nghĩ: "Sa môn Gotama biết tâm tư của mình", cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hôn chân Thế Tôn, xoa chân Đức Thế Tôn và nói tên của mình:

-- Thưa Tôn giả Gotama, con là Mānatthada. Thưa Tôn giả Gotama, con là Mānatthada.

Đám đông hiện diện lấy làm kinh ngạc: Thật kỳ diệu bạch Ngài, thật kỳ diệu bạch Ngài.

Rồi đại chúng ấy tâm khởi lên kinh dị vi diệu: "Thật là vi diệu, thưa Ngài! Thật là hy hữu, thưa Ngài! bà la môn Mānatthada (không cung kính mẹ, không cung kính cha, không cung kính thầy, không kính trọng anh cả, nay lại thể hiện sự cung kính tột độ với Gotama."

Đức Thế Tôn nói với Bà la môn Mānatthada:

Như vậy đã đủ rồi. Hãy an toạ. Do đâu Ông có lòng tín thành đối với Ta?

Atha kho mānatthaddho brāhmaṇo sake āsane nisīditvā bhagavantam gāthāya ajjhabhāsi –

**“Kesu na mānaṃ kayirātha,
kesu cassa sagāravo;
Kyassa apacitā assu,
kyassu sādhu supūjitā”’ti.**

Bà la môn Mānatthada sau khi an toạ đã nói kệ ngôn:

“Vớ ai không nên kiêu?
Vớ ai nên kính trọng?
Vớ ai nên lễ bái?
Vớ ai nên cúng dường?

(Thế Tôn):

“Mātari pitari cāpi,

**atho jetṭhamhi bhātari;
Ācariye catutthamhi,
Tesu na mānaṃ kayirātha;
Tesu assa sagāravo,
Tyassa apacitā assu;
Tyassu sādhu supūjitā.**

**“Arahante sītībhūte,
katakicce anāsave;
Nihacca mānaṃ athaddho,
te namasse anuttare”ti.**

“Vói mẹ và vói cha,
Vói anh cả trưởng thượng
Thứ tư là thầy tổ ,
Không đem lòng cao ngạo,
Nên lễ những vị ấy,
Nên kính những vị ấy.

“Vói tâm tư khiêm hạ
Lễ La Hán vô thượng
Tịnh tịnh và vô nhiễm
Đã làm việc nên làm.

**Evam vutte, mānatthaddho brāhmaṇo bhagavantam etadavoca –
“abhikkantam, bho gotama...pe... upāsakaṃ maṃ bhavaṃ gotamo dhāretu
ajjatagge pāṇupetaṃ saraṇaṃ gata”nti.**

Khi được nghe nói vậy, bà la môn Mānatthada bạch Thế Tôn:

-- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Diệu Pháp được Tôn giả Gotama hiển bày như người dựng đứng những gì bị ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, hay đem đèn sáng vào chỗ tăm tối để những ai có mắt thấy được. Con xin nương tựa Đức Thế Tôn Gotama, xin nương tựa Pháp, xin nương tựa tỳ khuru Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.



Thích văn

(Bổ túc sau)



Thích nghĩa

Theo Sớ giải, bà la môn Mānatthada nghĩ “Sa môn Gotama không hiểu biết gì” hàm nghĩa là theo ông thì Đức Phật không biết sự cao quý của một người sanh trong giai cấp bà la môn. Đây là một quan niệm rất phổ biến trong xã hội phân biệt giai cấp do dòng dõi thọ sanh.

Sự thể hiện bằng “cách đánh lễ chân, hôn chân, xoa chân và nói tên của mình” là biểu tỏ sự tôn kính cao nhất trong văn hoá Ấn độ.

Tỳ khuru Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình

5. Mānatthaddhasuttam [Mūla]

201. Sāvattthinidānaṃ. Tena kho pana samayena mānatthaddho nāma brāhmaṇo sāvattthiyaṃ paṭivasati. So neva mātaraṃ abhivādeti, na pitaraṃ abhivādeti, na ācariyaṃ abhivādeti, na jeṭṭhabhātaraṃ abhivādeti. Tena kho pana samayena bhagavā mahatiyā parisāya parivuto dhammaṃ deseti. Atha kho mānatthaddhassa brāhmaṇassa etadahosi – “ayaṃ kho samaṇo gotamo mahatiyā parisāya parivuto dhammaṃ deseti. Yaṃnūnāhaṃ yena samaṇo gotamo tenupasaṅkameyyaṃ. Sace maṃ samaṇo gotamo ālapissati, ahampi taṃ ālapissāmi. No ce maṃ samaṇo gotamo ālapissati, ahampi nālapissāmi”ti. Atha kho mānatthaddho brāhmaṇo yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā tuṅhībhūto ekamantaṃ aṭṭhāsi. Atha kho bhagavā taṃ nālapi. Atha kho mānatthaddho brāhmaṇo – ‘nāyaṃ samaṇo gotamo kiñci jānātī’ti tatova puna nivattitukāmo ahosi. Atha kho bhagavā mānatthaddhassa brāhmaṇassa cetasā cetoparivitakkamaññāya mānatthaddhaṃ brāhmaṇaṃ gāthāya ajjhabhāsi –

“Na mānaṃ brāhmaṇa sādhu, atthikassīdha brāhmaṇa;
Yena atthena āgacchi, tamevamanubrūhaye”ti.

Atha kho mānatthaddho brāhmaṇo – “cittaṃ me samaṇo gotamo jānāti”’ti tattheva bhagavato pādesu sirasā nipatitvā bhagavato pādāni mukhena ca paricumbati pāṇīhi ca parisambāhati, nāmañca sāveti – “mānatthaddhāhaṃ, bho gotama, mānatthaddhāhaṃ, bho gotamā”’ti. Atha kho sā parisā abbhutacittajātā [abbhutacittajātā (sī. syā. kaṃ. pī.), acchariyabbhutacittajātā (ka.)] ahosi – ‘acchariyaṃ vata bho, abbhutaṃ vata bho! Ayañhi mānatthaddho brāhmaṇo neva mātaraṃ abhivādeti, na pitaraṃ abhivādeti, na ācariyaṃ abhivādeti, na jeṭṭhabhātaraṃ abhivādeti; atha ca pana samaṇe gotame evarūpaṃ paramanipaccakāraṃ karotī’ti. Atha kho bhagavā mānatthaddhaṃ brāhmaṇaṃ etadavoca – “alaṃ, brāhmaṇa, uṭṭhehi, sake āsane nisīda. Yato te mayi cittaṃ pasanna”’nti. Atha kho mānatthaddho brāhmaṇo sake āsane nisīditvā bhagavantam gāthāya ajjhabhāsi –

“Kesu na mānaṃ kayirātha, kesu cassa sagāravo;
Kyassa apacitā assu, kyassu sādhu supūjitā”’ti.

“Mātari pitari cāpi, atho jeṭṭhamhi bhātari;
Ācariye catutthamhi,
Tesu na mānaṃ kayirātha;
Tesu assa sagāravo,
Tyassa apacitā assu;
Tyassu sādhu supūjitā.

“Arahante sītībhūte, katakicce anāsave;
Nihacca mānaṃ athaddho, te namasse anuttare”’ti.
Evaṃ vutte, mānatthaddho brāhmaṇo bhagavantam etadavoca – “abhikkantaṃ, bho gotama...pe... upāsakaṃ maṃ bhavaṃ gotamo dhāretu ajjatagge pāṇupetaṃ saraṇaṃ gata”’nti.

5. Mānatthaddhasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

201. Pañcame mānatthaddhoti vātabharitabhastā viya mānena thaddho. Ācariyanti sippuggahaṇakāle ācariyo anabhivādentassa sippaṃ na deti, aññasmiṃ pana kāle taṃ na abhivādeti, atthibhāvampissa na jānāti. Nāyaṃ samaṇoti evaṃ kirassa ahosi – “yasmā ayaṃ samaṇo mādise jātisampannabrāhmaṇe sampatte paṭisanthāramattampi na karoti, tasmā na kiñci jānāti”’ti.

Abhutavittajātā abhūtapubbāya tuṭṭhiyā samannāgatā. **Kesu cassāti** kesu bhaveyya. **Kyassāti** ke assa puggalassa. **Apacitā assūti** apacitiṃ dassetuṃ yuttā bhaveyyuṃ. **Arahanteti** imāya gāthāya desanākusalattā attānaṃ antokatvā pūjaneyyaṃ dasseti. Pañcamaṃ.